

Dấu ấn cội nguồn trên trang phục các dân tộc Trường Sơn - Tây Nguyên

TRẦN TẤN VINH*

Văn hóa truyền thống các dân tộc vùng Trường Sơn - Tây Nguyên có cội nguồn lịch sử, văn hóa, xã hội lâu đời và mang nhiều nét tương đồng, thống nhất, thể hiện sự giao lưu, tiếp biến văn hóa giữa các dân tộc. Trong quá trình sinh sống và phát triển lâu dài qua các giai đoạn lịch sử khác nhau, do tác động của điều kiện khí hậu, tự nhiên, xã hội, văn hóa truyền thống của các dân tộc có nhiều thay đổi và hình thành những đặc trưng văn hóa tộc người. Tuy nhiên, những dấu ấn của thời khởi thủy, cội nguồn xa xưa vẫn còn in đậm trên một số lĩnh vực văn hóa dân gian như kiến trúc, tôn giáo, nghệ thuật, ngôn ngữ, lễ hội, tập tục và rõ nét nhất là trên trang phục cổ truyền của các dân tộc. Những dấu ấn, tàn dư cổ xưa trong trang phục các dân tộc được biểu hiện qua kỹ thuật dệt, công cụ dệt vải, kiểu cách, loại hình trang phục, trang sức, lối trang trí hoa văn... của nhiều dân tộc vùng Trường Sơn - Tây Nguyên.

1. *Biểu hiện qua kỹ thuật dệt vải:* Trước tiên, chúng ta có thể nhìn thấy bằng chứng cổ xưa qua kỹ thuật dệt, khung dệt của các tộc người nơi đây. Cho

đến nay, các dân tộc sinh sống ở vùng Trường Sơn - Tây Nguyên vẫn dùng loại khung dệt làm bằng tre, giũ bằng chân, dệt bằng tay - một trong những loại khung dệt nguyên thủy, thô sơ nhất của nhân loại - để làm ra các loại sản phẩm thổ cẩm của mình. Các học giả gọi nó là khung dệt Châu Đại Dương bởi tính phổ biến của nó rất rộng, từ Madagascar tới Nhật Bản. Đặc điểm khung dệt này là gọn nhẹ, cơ động, có thể mang từ chỗ này sang chỗ khác một cách dễ dàng. Mỗi khung dệt có nhiều bộ phận khác nhau và tách rời nhau. Khi giăng sợi dọc lên khung, ráp các bộ phận vào nhau thì khung dệt mới chính thức được hình thành. Lúc hoàn thành một sản phẩm dệt, người ta tháo các công cụ ra thì khung dệt chỉ là những bộ phận tách rời nhau. Do đó, nếu quan sát chúng trước khi tiến hành các thao tác dệt thì người ta khó hình dung ra một hình thái khung dệt rõ ràng.

Kỹ thuật dệt của các dân tộc nơi đây tương tự như kỹ thuật đan, nên thường trong ngôn ngữ của đồng bào đều cùng có một từ chỉ dệt và đan. Trong ngôn ngữ của người Banar cũng như các dân tộc

* Trần Tấn Vinh, NCS Viện Nghiên cứu Văn hoá

khác ở Trường Sơn - Tây Nguyên, từ *tan* hoặc *tanh* vừa có nghĩa là “đan” vừa có nghĩa là “dệt”. Bởi vì, cả hai kỹ thuật đó đều tuân thủ một nguyên tắc cốt lõi chung: liên tục “chồng chéo” lên nhau như nan tre hay nan mây, nếu là đan hoặc những sợi bông trong trường hợp dệt. Trong công trình “*Lịch sử trang phục các triều đại phong kiến Việt Nam*” của tác giả Trịnh Quang Vũ, qua nghiên cứu một số loại vải ở mộ cổ Châu Can (huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây), tác giả Trịnh Quang Vũ đã tìm thấy sự giống nhau về kỹ thuật dệt giữa người xưa với các dân tộc vùng Trường Sơn- Tây Nguyên ngày nay.

2. *Biểu hiện qua loại hình, phong cách trang phục*: Về loại hình trang phục, các dân tộc Trường Sơn- Tây Nguyên còn giữ lại nhiều bộ trang phục cổ xưa nhất với những chất liệu khác nhau, trong đó điển hình nhất là loại trang phục bằng vỏ cây. Trang phục bằng vỏ cây chính là tiền thân của trang phục. Trước khi biết đến nghề trồng bông dệt vải, kỹ thuật dệt và các loại vải dệt, ông bà ta ngày xưa chủ yếu dùng các loại vỏ cây sẵn có trong thiên nhiên để làm vật dụng (chăn, túi, đệm...), trong đó có vật che thân (tấm choàng, váy, áo...). Có thể coi những đồ mặc này như là loại y phục cổ sơ, tiền thân của trang phục ngày nay. Trong sách “*Lĩnh Nam chích quái*” viết về thời quốc sơ nói rõ rằng dân ta đã từng lấy vỏ cây làm áo, dệt cỏ tranh làm chiếu. Cũng như nhiều cư dân khác trên thế giới, các dân tộc bản địa vùng Trường Sơn - Tây Nguyên nói chung, trong quá khứ cũng đã sử dụng phổ biến loại trang phục bằng vỏ cây. Ngày nay, ở một số nơi xa xôi hẻo lánh, còn có thể gặp vải vỏ cây trong đời sống của số ít người và đó là những di vật hiếm hoi về một chặng đường khá sơ khai trong lịch sử phát triển y phục

Việt Nam. Những bộ áo vỏ cây quý hiếm còn được lưu giữ ở nhiều bảo tàng địa phương và còn thấy đồng bào mặc trong các lễ hội truyền thống của cộng đồng.

Lối trang phục bằng vỏ cây còn thấy xuất hiện đến tận nửa đầu và giữa thế kỷ 20. Trong tiểu thuyết “*Đất nước đứng lên*”, nhà văn Nguyễn Ngọc miêu tả làng Kông Hoa- dân tộc Banar của Anh hùng Núp - cũng đang còn rất nhiều người mặc áo vỏ cây. Lối trang phục bằng áo vỏ cây mà gần đây người ta có thể quan sát được tại cộng đồng người Rục ở miền tây Quảng Bình. Năm 1960, khi lần đầu tiên phát hiện được thì họ vẫn còn “ăn hang ở lỗ”, sinh sống ở trong hang đá, còn nhiều tàn tích của cư dân nguyên thủy. Họ dùng vỏ cây sui, lấy đá cuội đập bẹt ra sau khi ngâm nước, rồi lấy mảnh vỏ cây sui ấy quấn ngang quanh phần eo kéo xuống chõ đến nửa dưới cơ thể thành váy phụ nữ hoặc khố của đàn ông. Khi viết về các dân tộc ở miền núi bắc Trung bộ, Mạc Đường có nói đến tập quán ăn mặc của họ như sau: “Trước đây, người Rục, Arem, Sách và các tộc người săn bắt, thu hái khác phần lớn không có quần áo để mặc. Họ lấy vỏ cây sui đập dập và phơi khô để mặc. Đàn bà lấy mảnh sui quấn vào người thay váy gọi là “*puông*”. Đàn ông dùng vỏ sui thắt ngang lưng làm khố gọi là “*chơ toi*”. Đàn ông cũng như đàn bà đều dùng một tấm vỏ sui lớn quấn từ lưng qua vai che ngực và bụng gọi là “*kche*”... Nhiều năm trước đây, đồng bào Cọt cũng thường khai thác vỏ cây *hơ mốt, hơ mon, hơjoong, chơ đđang, đơ duông, ta đuych, tà coong*... để làm áo quần che thân.

Trang phục bằng vỏ cây có ảnh hưởng sâu sắc đến tập quán ăn mặc sau này của các dân tộc Trường Sơn- Tây Nguyên nói chung, dân tộc Cọt nói riêng và là yếu tố

định hình nên truyền thống, phong cách trang phục của các dân tộc. Sự kế tiếp và phát triển từ y phục vỏ cây lên trang phục vải dệt khá rõ rệt. Cho đến nay, về mặt loại hình, kiểu khố, áo, váy, chăn của các tộc người không khác cơ bản với kiểu khố, áo, váy, chăn làm bằng vỏ cây của tổ tiên ta trước kia. Khi quan sát về trang phục cổ truyền của các dân tộc ta có thể khẳng định rằng đồ mặc bằng vải vỏ cây đã là cơ sở, hình mẫu ban đầu của đồ mặc bằng vải.

Trong tác phẩm *"Trang phục các dân tộc Việt Nam"*, lần đầu tiên, nhà nghiên cứu Ngô Đức Thịnh đã đề cập đến lịch sử trang phục. Tác giả đã phác họa đôi nét về trang phục qua các thời đại, trong đó có trang phục thời dựng nước. Khi nghiên cứu về trang phục thời kỳ này, dựa vào nguồn tư liệu chủ yếu thông qua các bức tượng, hoa văn trang trí trên trống đồng..., tác giả miêu tả về những loại hình trang phục cổ sơ với kiểu may mặc theo lối choàng, quấn như khố, váy mảnh, xà rồng, tấm choàng, áo khoác... Loại trang phục này phổ biến từ buổi đầu dựng nước đến mãi gần đây, tuy nhiên còn thấy đầy đủ hơn cả là ở Tây Nguyên và dọc dải trường Sơn. Đây cũng là loại hình y phục khá cổ sơ, từ đây phát triển thành nhiều loại hình trang phục phức tạp và đa dạng hơn. Tác giả Ngô Đức Thịnh đưa ra nhận định: "Với trình độ phát triển kinh tế - xã hội thời đó, những đặc trưng ăn mặc đã hình thành và định hình." Trải qua bao nhiêu thời đại, dù cho việc ăn mặc có thay đổi, phát triển, giao lưu với xung quanh nhưng vẫn trên cái nền đã hình thành và định hình ấy. Và từ đó, tác giả công trình này cũng có gợi mở khá lý thú rằng muốn nghiên cứu, tìm hiểu trang phục thời dựng nước thì không thể không đi vào nghiên cứu trang phục của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Theo

tác giả, khi đem đối sánh những loại hình trang phục của một số dân tộc, nhất là các dân tộc bản địa ở Tây Nguyên, thì thấy không quá khác lạ so với trang phục thời Hùng Vương dựng nước.

Đặc biệt, khi nghiên cứu về chiếc áo choàng chữ X và chiếc khố hình chữ T của các dân tộc Trường Sơn- Tây Nguyên, chúng ta sẽ tìm thấy nhiều nét gần gũi của nó với trang phục thời kỳ Đông Sơn và trang phục của một số tộc người thuộc vùng Đông Nam Á. Tổ tiên người Việt cũng từng dùng khố, thể hiện qua tranh khắc chạm trên trống đồng Đông Sơn. Người xưa đã có huyền thoại về hai cha con Chủ Đồng Tử mặc chung một chiếc khố. Qua câu chuyện chúng ta hiểu biết về một loại trang phục của đàn ông thời Vua Hùng dựng nước. Trong các di chỉ đồng thau, các đồ họa khắc vạch trên trống đồng, thạp đồng và các đồ đồng Đông Sơn khác, cho thấy, chủ nhân của văn hóa Đông Sơn Việt cổ; con trai ở trần, mình xăm nhiều họa tiết, đóng khố thả đuôi lươn trước hoặc sau; con gái mặc yếm hay áo ngắn đến bụng, váy kín mặc trùm đầu và váy mở tới đầu gối. Nhiều pho tượng đồng thuộc nền văn hóa Đông Sơn đều có trang phục đóng khố. Đó là bốn đôi tượng đang trong tư thế giao hợp trên thạp đồng Đào Thịnh đều đóng khố; pho tượng người đàn ông đóng khố dắt hai con chó phát hiện ở Thang Oai (Hà Tây); tượng người công nhau đóng khố thổi khèn ở ngôi mộ cổ Việt Khê (Hải Phòng); tượng người đóng khố trên gáo đồng, các đoản kiếm, cán dao găm...phát hiện ở nhiều di chỉ khác nhau. Ngay, người Việt (Kinh) không còn mặc khố nữa nhưng đối với đàn ông các dân tộc vùng Trường Sơn - Tây Nguyên, tấm khố vẫn được lưu giữ như là trang phục truyền

thống đặc trưng nhất của cả một khu vực. Nó vẫn được sử dụng trong các lễ hội, thậm chí trong sinh hoạt thường ngày ở các người già. Chiếc khố là hiện tượng văn hóa phổ biến, đồng nhất trong đời sống các dân tộc nơi đây.

Trong cuốn *"Tìm hiểu văn hóa Katu"*, nhà nghiên cứu Tạ Đức cũng đã đề cập đến trang phục, trang sức, tục xăm mình... của dân tộc Cốt. Khi viết về trang phục của dân tộc này, tác giả Tạ Đức có mô tả sơ lược về một số kiểu loại tiêu biểu như khố, váy, áo choàng... Là một chuyên gia nghiên cứu về tiền sử Đông Nam Á, nhà nghiên cứu Tạ Đức cũng có đưa ra nhận định đáng lưu ý: "Nhìn chung, trang phục Cốt còn bảo lưu nhiều yếu tố trang phục Đông Sơn". Chứng minh cho nhận định này, tác giả có đưa ra sự so sánh cụ thể: Tấm choàng dài khoát sau lưng chàng trai Cốt được Le Pichon chụp năm 1950 gần gũi với những hình người khắc trên trống Quảng Xương; váy quần đến đầu gối của phụ nữ Cốt tương tự với kiểu váy của tượng người đàn bà trên tháp đồng Đào Thịnh; kiểu yếm của phụ nữ Cốt cũng gần gũi với yếm của tượng người đàn bà tìm thấy ở di chỉ Làng Vạc v.v... Theo tác giả, cách trang trí tóc của người Cốt cũng mang đậm truyền thống Đông Sơn.

3. *Biểu hiện qua trang sức*: Trang sức là một yếu tố thể hiện rõ bản sắc của tộc người. Những nghiên cứu về đồ trang sức thời Đông Sơn của tác giả Ngô Đức Thịnh, Trịnh Quang Vũ và một số nhà nghiên cứu khác cũng là một trong những nguồn tư liệu cần thiết không thể không tham khảo, đối sánh khi nghiên cứu về trang sức của dân tộc vùng Trường Sơn - Tây Nguyên. Tác giả Trịnh Quang Vũ chẳng những cung cấp nhiều tư liệu, hình ảnh phong phú để người đọc nhận biết về các loại

hình trang sức ngày xưa mà còn nói rõ về chất liệu, nguyên liệu, nguồn gốc của các loại trang sức đó. Đặc biệt, những bộ trang sức vòng ống chân, vòng ống tay của người tiền sử được tìm thấy tại di chỉ khảo cổ học làng Vạc (Nghệ An) không khác lạ so với trang sức của người Cốt, Tà Ôi và một số dân tộc ở Tây Nguyên như M'Nông, Mạ, Kơ Ho, Xtiêng... Hai ống chân của phụ nữ M'Nông thường đeo hai chiếc vòng từ mắc cá đến đầu gối, phía trên có đeo thêm mỗi bên một chiếc vòng nhỏ gọi là vòng chiếc. Khi đi lại, vòng chiếc chạm vào vòng dài kêu thành tiếng nhạc chan chát. Trong các sử thi (ot nrông) của người M'Nông, ta dễ dàng tìm thấy nhiều đoạn miêu tả về tục đeo vòng ống chân và được xem như nét đẹp cổ điển, không thể thiếu của người phụ nữ, giống như tục cà răng, cẳng tai của họ.

Đồ trang sức của người Cốt và một số dân tộc ở Trường Sơn còn giữ lại nhiều tàn tích của quá khứ. Những chiếc vòng tay bằng đồng của người phụ nữ Cốt được cuốn vào tay thành rất nhiều vòng. Ngày xưa bắt buộc người con gái nào cũng phải có chiếc vòng này vì nó thể hiện rằng người con gái đó đẹp, khéo tay, khi tuổi càng cao thì số vòng cuốn vào tay càng nhiều hơn tạo thành chiếc vòng đồ sộ. Về hình dạng, vòng ống chân của người M'Nông, vòng ống tay của người Cốt không khác so với những chiếc vòng được phát hiện ở các di chỉ khảo cổ học thuộc nền văn hóa Đông Sơn. Đặc biệt, chuỗi hạt mã não đeo cổ của người Cốt là sản phẩm hoàn toàn mang dấu ấn của thời tiền sử. Theo các nhà khảo cổ học, đến khoảng 700- 800 năm trước Công nguyên, từ giai đoạn hậu kỳ thời đại đồng thau, hay giai đoạn sớm của nền văn hóa Đông Sơn, Sa Huỳnh, tiền óc Eo, thì đá mã não (agate) đã được sử dụng khá phổ biến. Vì nó đẹp,

để nhìn, có nhiều màu sắc lấp lánh lại rất dễ đeo nên nó được lưu truyền qua thời gian, từ người tiền sử đến người hiện thời đều thích dùng làm đồ trang sức.

Có nhiều bằng chứng rằng con người trên đất Việt Nam ta biết đến và dùng hạt mã não từ nguồn buôn bán, trao đổi của người Sa Huỳnh, Đông Sơn... với Ấn Độ, Trung Quốc, Thái Lan. Người ta có thể trao đổi cả nguyên liệu mã não nữa, nhưng hầu hết là hạt chuỗi. Nền văn hóa có nhiều mã não nhất là Sa Huỳnh và sau đó là Óc Eo... Có thể thấy, trong số những đồ trang sức trong văn hóa Sa Huỳnh, những chuỗi hạt mã não là loại di vật được làm bằng nguyên liệu không có ở Việt Nam, người cổ Sa Huỳnh có thể nhập nguyên liệu để chế tác hạt chuỗi, hoặc nhập các hạt chuỗi mã não đã được chế tác. Người cổ Sa Huỳnh sinh sống trên mảnh đất Quảng Nam, Quảng Ngãi sớm có mối quan hệ giao lưu, buôn bán với thế giới bên ngoài, là nơi trực tiếp giao lưu với các nền văn minh Đông Sơn, Ấn Độ và Hán... Từ những bằng chứng sinh động qua tư liệu khảo cổ, các nhà nghiên cứu đều cho rằng văn hóa Sa Huỳnh có giao lưu với văn hóa Đông Sơn về nhiều mặt. Mặc dầu nằm sâu trong địa bàn của văn hóa Sa Huỳnh nhưng, trong số hiện vật được phát hiện có những hiện vật của nền văn hóa Đông Sơn đích thực. Điều này được chứng tỏ có sự giao lưu trực tiếp từ vùng Bắc Bộ vào miền Trung nước ta. Trong số đồ tùy táng được phát hiện ở di chỉ Gò Quê (Bình Sơn) tỉnh Quảng Ngãi; Lai Nghi, gò Mã Vôi (Điện Bàn), Tà Bính (Nam Giang)... tỉnh Quang Nam, ngoài những hiện vật như rìu đồng, dao găm, kiếm đồng, tấm che ngực bằng đồng... các nhà khảo cổ rất chú ý đến bộ sưu tập đồ trang sức như khuyên tai mẫu, khuyên

tai hình vành khăn bằng đá, khuyên tai bằng vàng, hạt cườm tằm bằng thủy tinh, đặc biệt là hạt chuỗi bằng mã não.

Điều đáng ngạc nhiên là mặc dầu trải qua hàng nghìn năm, khi nền văn hóa Sa Huỳnh đã tàn lụi nhưng vẻ đẹp của trang sức mã não vẫn còn được lắng đọng, chất lọc cho đến ngày nay. Mã não vẫn còn nguyên giá trị, là thứ trang sức, tài sản không thể thiếu của các dân tộc ít người đang sinh sống ở vùng Trường Sơn - Tây Nguyên như Cotu, Tà Ôi, Bru- Vân Kiều, Hre... Loại hình của hạt chuỗi mã não từ khi xưa đến nay không đổi thay gì, vẫn là hạt dạng hình cầu, hình nhót, hình cườm dẹt nhỏ và phổ biến nhất là hình thoi làm thành chuỗi hạt cườm đa sắc y hệt như người Sa Huỳnh cách đây hàng nghìn năm. Ngoài ra, đồng bào các dân tộc Trường Sơn- Tây Nguyên còn đeo nhiều loại trang sức làm bằng những chất liệu khác nhau như nanh, răng, vuốt, xương thú, lông chim...những thứ đó cũng là loại trang sức đặc phổ biến của các chiến binh Đông Sơn. Điều này có thể xuất phát từ quan niệm rằng các đồ vật được đeo chẳng những làm đẹp mà còn ban sức mạnh hoặc được thần linh phù hộ, chở che.

4. *Biểu hiện qua trang trí hoa văn*: Khi phân tích về bố cục hoa văn, tác giả Ngô Đức Thịnh dùng thuật ngữ *bố cục theo băng dải*, còn tác giả Chu Thái Sơn thì dùng thuật ngữ *bố cục thành dải* để nói về nét đặc trưng trong nghệ thuật trang trí truyền thống của các dân tộc ít người ở Trường Sơn - Tây Nguyên. Và đây cũng là một điểm chung đáng lưu ý trong việc trang trí hoa văn trên trang phục các dân tộc. Theo các tác giả, nét đặc trưng đó được hình thành từ lâu đời, được thể hiện khá rõ nét qua trang trí ở các trống đồng Đông Sơn: mặt trống với những dải hoa văn

thành vòng tròn đồng tâm to, nhỏ khác nhau; và tang trống với những vòng tròn trang trí chạy quanh ở các tầng cao thấp khác nhau. Trong lối bố cục đó, *bố cục bằng ngang chiếm tỷ lệ tuyệt đối* so với bố cục dọc. Phong cách trang trí theo dải ngang cũng là phong cách trang trí có truyền thống lâu đời trên đồ gốm, đồ đan, đồ sứ... Phong cách trang trí này cũng còn chi phối cả bố cục các trang trí trên quần áo và đồ vật của người hiện đại. Nó phân biệt khá rõ với bố cục trang trí mảng, bằng dọc của cư dân các khu vực Trung Á, Bắc Á, Châu Đại Dương, Châu Phi... Trước đó, khi nghiên cứu về hoa văn Ba Na - Gai Rai, Giáo sư Từ Chi cũng đã viết: "*Xếp hoa văn thành dải, đặc biệt thành dải ngang, vốn là bố cục phổ biến của nhiều tộc người trên đất nước này*".

Bằng các tư liệu khảo cổ học, dân tộc học, văn hóa dân gian... các nhà nghiên cứu đã phác họa được mối liên hệ giữa "Văn hóa Đông Sơn" - "Văn hóa mẹ" với văn hóa cổ truyền của các dân tộc vùng Trường Sơn - Tây Nguyên. Theo các tác giả, những dân tộc trên dãy Trường Sơn cũng là những hậu duệ của văn hóa Đông Sơn, nơi đây đồng bào còn bảo lưu nhiều lối trang phục xưa của tổ tiên. Trang phục kiểu đầu tóc, đeo răng thú, đeo trang sức vòng ống, váy chui, váy quấn, đàn ông đóng khố, tục xăm mình... tất cả là hình ảnh tương đồng của trang phục Đông Sơn. Những kiến thức về trang phục, trang sức của vùng Trường Sơn - Tây Nguyên nói chung và người Cotu nói riêng cho thấy nhiều tư liệu và nhiều thông tin để nghiên cứu các đặc điểm trang phục gắn gũi với thời Hùng Vương cổ đại... Điều này minh chứng cho nguồn gốc, truyền thống văn hóa được trao truyền qua nhiều thế hệ của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và khẳng định dòng

chảy văn hóa liên tục từ quá khứ đến đương đại được minh chứng qua trang phục cổ truyền các dân tộc vùng Trường Sơn - Tây Nguyên. Nghiên cứu này còn mang ý nghĩa lý luận và thực tiễn, nhất là làm sáng tỏ hơn về lý thuyết *văn hóa vùng* và *phân vùng văn hóa ở Việt Nam*. Với cách tiếp cận đó, người nghiên cứu có cơ sở để chứng minh vấn đề giao lưu, tiếp biến, tính thống nhất, tương đồng và dị biệt văn hóa giữa các dân tộc đang cư trú ở vùng Trường Sơn - Tây Nguyên mà có thể thấy rõ thông qua nghiên cứu nghề dệt và trang phục. Các nhà khoa học đã phát họa những dấu vết của nền văn hóa cội nguồn của thời kỳ Hùng Vương dựng nước được lưu lại cho đến ngày nay và còn ăn sâu trong đời sống văn hóa của các dân tộc bản địa vùng Trường Sơn - Tây Nguyên, bao gồm cả dân tộc Cotu ở Quảng Nam./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Tạ Đức, *Tìm hiểu văn hóa Katu*, Nxb Thuận Hóa, Huế - 2002.
2. Chu Thái Sơn (chủ biên): *Hoa văn cổ truyền Đăk Lăk*, Nxb KHXH, HN, 2000.
3. Trịnh Sinh, *Khu mộ Gò Quê (Quảng Ngãi) qua cuộc khai quật năm 2005*, Xưa và nay, số 289, tháng Tám, 2007
4. Trần Từ: *Hoa văn các dân tộc Ba Na - Gia Rai*, Sở VH TT tỉnh Gia Lai - Kon Tum, 1986.
5. Ngô Đức Thịnh: *Trang phục cổ truyền các dân tộc Việt Nam*, Nxb VHDT, HN, 2000
6. Trịnh Quang Vũ, *Lịch sử trang phục các triều đại phong kiến Việt Nam*, Nxb VH TT, HN, năm 2007.
7. Những phát hiện khảo cổ học 1998, NXB KHXH, HN, 1999.